TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 135/2023/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Thanh T.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Ánh T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Mai T - *Kiểm sát viên.*

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 122/LHST ngày 26/6/2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" theo Quyết định mở phiên họp số 96/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2023, gồm những người yêu cầu sau đây:

1. Chị Lê Huyền N, sinh năm 1995; Hộ chiếu số CCNTYVCZH cấp ngày 14/11/2019 tại CHLB Đ; Quốc tịch CHLB Đ; Trú tại: 08451 Crimmitschau Carthäuser Straβe 3, CHLB Đ.

2. Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1986; Trú tại: Thôn D, xã Y, huyện G, thành phố H.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn xin công nhận thuận tình ly hôn và bản tự khai anh Nguyễn Xuân T trình bày: Tôi và chị Lê Huyền N kết hôn có tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/5/2019 tại UBND huyện G, thành phố H. Ngày 18/1/2002, chúng tôi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND thành phố H. Sau khi kết hôn, chúng tôi sống xa nhau, mỗi người một nơi. Tôi sống ở V. Chị Nhung sống ở Đ. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc vì quan điểm sống khác biệt, không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Do đó, chúng tôi thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H công nhận thuận tình ly hôn để cả 02 ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chúng tôi xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin công nhận thuận tình ly hôn và bản tự khai, đơn xin xử án vắng mặt, giấy ủy quyền của chị Lê Huyền N gửi về được hợp thức hóa tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa V tại CHLB Đ thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn chị N thống nhất như anh T đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống xa nhau. Hiện cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án công nhận cho chúng tôi được thuận tình ly hôn để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không có nợ chung.

Tại phiên họp:

Có mặt anh Nguyễn Xuân T, vắng mặt chị Lê Huyền N. Chị N có đơn xin vắng mặt vì hiện nay đang ở CHLB Đ không về Việt Nam được. Ông có ủy quyền cho chị Lê Nguyên A (em gái) nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến*:**

Về tố tụng: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Hôn nhân của anh Nguyễn Xuân T và chị Lê Huyền N có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên được pháp luật bảo vệ. Vợ chồng chưa có con chung nên không xem xét. Về tài sản chung và vay nợ chung ông, anh chị thống nhất không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nay anh T, chị N cùng xác định không còn tình cảm với nhau nữa và mong muốn chấm dứt hôn nhân. Xét thấy sự thuận tình ly hôn và các thỏa thuận về con chung, tài sản chung, nợ chung của hai bên đương sự là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội. Do vậy, đề nghị Tòa án chấp thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Xuân T và chị Lê Huyền N có đơn đề nghị công nhận thuận tình ly hôn. Chị Lê Huyền N hiện nay đang sinh sống tại CHLB Đ nên theo quy định tại Điều 29, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về nội dung: Anh Nguyễn Xuân T và chị Lê Huyền N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 09/5/2019 tại UBND huyện G, thành phố H. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Xuân T và chị Lê Huyền N là hợp pháp.

Sau kết hôn, vợ chồng sống xa nhau, mỗi người một nơi. Anh T sống ở V. Chị N sống ở Đ. Mỗi người đều có cuộc sống riêng độc lập tại 02 quốc gia. Đến nay, cả 02 anh, chị cùng xác định đời sống chung đã chấm dứt và mục đích hôn nhân cũng không đạt được trong nhiều năm nên mong muốn được chấm dứt hôn nhân để ổn định cuộc sống.

Xét thấy, hôn nhân của anh Nguyễn Xuân T và chị Lê Huyền N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của 02 anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Xuân T và chị Lê Huyền N chưa có con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Xuân T và chị Lê Huyền N đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh Nguyễn Xuân T và chị Lê Huyền N đều trình bày không có nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về lệ phí: Anh Nguyễn Xuân T tự nguyện chịu cả tiền lệ phí ly hôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 67, Điều 143, 146, 149, 367, 369, 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân T và chị Lê Huyền N. Anh Nguyễn Xuân T và chị Lê Huyền N được chấm dứt hôn nhân.

2. Ghi nhận về sự thỏa thuận khác của các đương sự như sau:

Về con chung: Anh Nguyễn Xuân T và chị Lê Huyền N chưa có con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Xuân T và chị Lê Huyền N đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh Nguyễn Xuân T và chị Lê Huyền N đều trình bày không có nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về lệ phí: Anh Nguyễn Xuân T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn; số tiền trên được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001823 ngày 26/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự TP H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ban hành./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố H;
-UBND TP Hà N;
- Lưu HS việc dân sự.

Trần Thị Thanh Thảo